

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mười

2. Bà Hà Thị Lan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Thành Công – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh T - Kiểm
sát viên.

Trong ngày 20 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ,
tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số
197/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình
theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2023 giữa
các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976

ĐKHKTT: Xóm Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: 1349, Đại lộ H, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị Đơn:** Anh Đặng Huy N, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, các lời khai tại Tòa án trong quá trình
giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Huy N sống chung với nhau từ năm 1997 đến nay trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do anh N không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn kinh tế, thường xuyên rượu chè nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Huy N1, sinh năm 1998 và Đặng Huy H1, sinh năm 2002. Hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và khoản cho vay: Không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

*** Bị đơn anh Đặng Huy N:** Anh Đặng Huy N đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Toà án anh N vắng mặt không có lý do và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và tại phiên toà bị đơn vắng mặt hai lần không có lý do. Vì vậy, bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Huy N chung sống như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280

Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không chấp nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Huy N. Về con chung, các con hiện đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Đặng Huy N có hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên việc Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự có mặt của đương sự: Đối với bị đơn anh Đặng Huy N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh N vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2]. Về nội dung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không có đăng ký kết hôn. Việc hai người chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền vi phạm khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“ 1. N1 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

2. Trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng sau đó thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm đăng ký.

Trong trường hợp này, theo các tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xác định: Từ năm 1997 đến nay chị H và anh N sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Huy N là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh N có 02 con chung là Đặng Huy N1, sinh năm 1998 và Đặng Huy H1, sinh năm 2002. Hiện các con đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, do các đương sự đều xác định không có tài sản chung và nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Huy N là vợ chồng

2. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

4. Về án phí. Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004386 ngày 20/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Huy N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/báo cho UBND xã;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Quyên